

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tuấn

Bà Vi Thị Hòa

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị Tsinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/02/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Vi Thị Ttrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L vào ngày 23/8/2013. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường. Từ năm 2014, chị và anh Hoàng Văn Th thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau do không tìm

được tiếng nói chung, anh Hoàng Văn Th thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không tú trí làm ăn, một mình chị phải lo cho 02 người con, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vì các con nên chị cố chịu đựng, đến nay anh Hoàng Văn Th vẫn không tú trí nên chị thấy mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 01/2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, không liên lạc, không quan tâm đến nhau, anh Hoàng Văn Th cũng không đến đón chị về đoàn tụ, không ý kiến gì. Do vậy chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn Th nữa, yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 05/01/2012 và Hoàng Minh Q, sinh ngày 14/10/2014. Các cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Minh Q vì cháu có nguyện vọng ở với mẹ, còn cháu Hoàng Trung H có nguyện vọng ở với bố nên chị đề nghị anh Hoàng Văn Th trực tiếp nuôi cháu. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Trường hợp anh Hoàng Văn Th không nhất trí nuôi con thì chị nhất trí trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Hoàng Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện nay đang làm công nhân tại Bắc Giang, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Anh Hoàng Văn Th đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2022 anh Hoàng Văn Th trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí với ý kiến của chị Vi Thị T, về con chung: Nhất trí với nguyện vọng của con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai của con ngày 10/02/2012, cháu Hoàng Trung H, sinh ngày 05/01/2012 trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với bố cháu, không ai ép buộc khai như vậy; cháu Hoàng Minh Q, sinh ngày 14/10/2014 trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu, không ai ép buộc khai như vậy.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án (các điều 28, 35, 39); xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự (Điều 68); việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ (từ Điều 93 đến Điều 97); việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ theo Điều 175, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn, trình tự, thủ tục giải quyết đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (từ Điều 186 đến Điều 220).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án gồm các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tục tranh tụng tại phiên tòa từ Điều 221 đến Điều 263

Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự và công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa theo Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Vi Thị T kể từ khi vụ án được thụ lý đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn Th đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có nhận văn bản tố tụng, cung cấp lời khai cho Tòa nhưng đều không ký biên bản. Ngày 25/3/2022, bị đơn vắng mặt không rõ lý do khiến phiên tòa phải hoãn lần thứ nhất. Ngày hôm nay 31/3/2022, bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Vi Thị T và anh Hoàng Văn Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đủ căn cứ giải quyết cho ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Th. Về con chung: Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Minh Q vì cháu muốn ở với mẹ, còn cháu Hoàng Trung H muốn ở với bố nên yêu cầu anh Th nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tiến hành hỏi ý kiến (hai cháu đều đã trên 07 tuổi) thì cháu Hoàng Trung H muốn ở với bố, còn cháu Hoàng Minh Q muốn ở với mẹ. Còn anh Th thì nhất trí với nguyện vọng của các con. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Vi Thị T, cụ thể chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Minh Q, anh Hoàng Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Trung H đến khi đủ 18 tuổi. Cả hai đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Không ai phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thấy vụ án ly hôn có dấu hiệu của tội Giao cấu với trẻ em theo Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (anh Hoàng Văn Th đủ 18 tuổi giao cấu với chị Vi Thị T khi chưa đủ 16 tuổi và có con). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan chức năng (Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lộc Bình) để xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn Th, cư trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo nguyên đơn chị Vi Thị T xác định mâu thuẫn trầm trọng do anh Hoàng Văn Th thường xuyên đi thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không tú trí làm ăn, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau, chị và anh Hoàng Văn Th đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Anh Hoàng Văn Th đã biết và nhận các văn bản tố tụng, có ý kiến nhất trí theo ý kiến chị Vi Thị T. Điều đó thể hiện anh Hoàng Văn Th không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, mục đích hôn nhân của hai vợ chồng không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng (việc mâu thuẫn của vợ chồng có xác nhận của chính quyền địa phương). Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Hoàng Văn Th có 02 con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 05/01/2012 và Hoàng Minh Q, sinh ngày 14/10/2014, chị Vi Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 14/10/2014 cho tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Hoàng Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Hoàng Trung H có nguyện vọng sống với bố và anh Hoàng Văn Th nhất trí theo nguyện vọng của con chị Vi Thị T cũng nhất trí. Anh Hoàng Văn Th đã được tổng đạt văn bản hợp lệ, có ý kiến theo nguyện vọng con, ngoài ra anh không có ý kiến gì thêm; cháu Hoàng Minh Q có nguyện vọng sống với bố, cháu Hoàng Trung H có nguyện vọng sống với mẹ (các cháu đều trên 07 tuổi) tự nguyện trình bày nguyện vọng không bị ai ép buộc. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao con là cháu Hoàng Trung H cho anh Hoàng Văn Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là cháu Hoàng Minh Q cho chị Vi Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào do chưa ai có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử

không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với kiến nghị, đề xuất vụ án ly hôn có dấu hiệu của tội Giao cấu với trẻ em theo Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (anh Hoàng Văn Th đủ 18 tuổi giao cấu với chị Vi Thị Tkhi chưa đủ 16 tuổi và có con). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan chức năng (Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lộc Bình) để xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật, do đây là vụ án Hôn nhân gia đình do vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung do vậy việc kiến nghị của Kiểm sát viên không đúng theo quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 23/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Trung H, sinh ngày 05/01/2012 cho anh Hoàng Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 14/10/2014 cho chị Vi Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào vì chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Vi Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005077 của Chi cục Thi hành dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai